

Số: **47** /BC-DVKT

Hà Nội, ngày **18** tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
(Năm 2023)

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên Doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM;**
- Tên tiếng Anh: PetroVietnam Power Services JSC.;
- Tên giao dịch: PV Power Services;
- Mã số doanh nghiệp: 0102560459. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp sửa đổi lần thứ 11 ngày 26/7/2021;
- Vốn Điều lệ: **150.000.000.000 VNĐ (Một trăm năm mươi tỷ đồng);**
- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu: 150.000.000.000 VNĐ (Một trăm năm mươi tỷ đồng./.);
- Địa chỉ giao dịch: Tầng 7, Tòa nhà hỗn hợp HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội;
- Điện thoại: (84-24) 3 7878186 Fax: (84-24) 3 7878185;
- Website: www.pvps.vn;
- Mã cổ phiếu: PPS.

1.1. Thành lập

- Ngày 16/7/2007, Hội đồng thành viên Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power) nay là Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam -CTCP thông qua Đề cương thành lập một số Công ty cổ phần trong đó có phương án thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.

- Ngày 27/11/2007, Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103021005 với vốn Điều lệ là: 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng). Tính đến thời điểm hiện nay, PV Power Services đã 11 lần thay đổi đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh/thay đổi địa chỉ giao dịch/đại diện pháp luật Công ty.

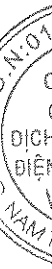
1.2. Niêm yết

- Ngày 28/12/2010, PV Power Services được Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán số 305/2010/GCNCP-VSD chính thức chấp thuận hoạt động lưu ký chứng khoán niêm yết trên sàn giao dịch HNX với mã giao dịch PPS;
- Ngày 07/01/2011, chứng khoán PPS của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam chính thức phiên giao dịch đầu tiên trên sàn HNX với khối lượng trên 100.000 giao dịch thành công.

2. Ngành nghề kinh doanh - Địa bàn hoạt động

2.1. Ngành nghề kinh doanh

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Lắp đặt hiệu chỉnh đưa vào vận hành, bảo trì và nâng cấp các hệ thống thông tin viễn thông, hệ thống điều khiển phân tán và các hệ thống khác trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác. Tư vấn chuyên ngành kỹ thuật điện cho quản lý xây dựng hệ thống điện – điện tử và tự động hóa cho các nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500KV, công suất đến 4.000 MW;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành, thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ, duy tu bảo dưỡng định kỳ và xử lý sự cố bất thường các Nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, các dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500KV và công suất đến 4.000 MW);
- Sửa chữa thiết bị khác: Dịch vụ kỹ thuật, bảo trì, bảo dưỡng, đại tu sửa chữa nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy khác: Kinh doanh vật tư thiết bị máy móc và hệ thống thiết bị dây chuyền đồng bộ phục vụ cho ngành điện, thông tin viễn thông và các ngành công nghiệp khác;



- Lắp đặt hệ thống điện: Lắp đặt thiết bị điện các Nhà máy điện, Trạm biến áp và các dây chuyên công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500KV;
- Giáo dục khác: Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy điện và công nghiệp (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)...;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Đầu tư sản xuất thiết bị điện, phụ tùng vật tư cho ngành điện dầu khí và các ngành công nghiệp khác;
- Hoạt động viễn thông khác: Đại lý kinh doanh dịch vụ viễn thông;
- Sản xuất điện: Dịch vụ vận hành Nhà máy điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Thi công xây lắp các công trình công nghiệp;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác: Tư vấn thiết kế biên dịch, biên soạn tài liệu các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng, năng lượng mới, năng lượng tái tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (không bao gồm thiết kế công trình); Cung cấp giải pháp lắp đặt tích hợp các hệ thống viễn thông và công nghệ thông tin;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê nhà sử dụng làm văn phòng;
- Xây dựng công trình công ích: Thi công xây lắp trạm biến áp, đường dây truyền tải và hệ thống điện, hệ thống đo lường điều khiển tự động, hệ thống thông tin viễn thông và hệ thống cung cấp và xử lý nước cho công trình công nghiệp dân dụng;
- Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện theo Quy định pháp luật.

2.2. Địa bàn hoạt động

- Nhằm tiếp cận thị trường và đặt nền móng cho việc thiết lập các đơn vị sản xuất trực tiếp tại khu vực phía Nam, ngày 03/8/2009, PV Power Services thành lập hai Chi nhánh Nhơn Trạch và Cà Mau, bước đầu thiết lập các đơn vị sản xuất trực tiếp phục vụ công tác sửa chữa, bảo trì tại Nhà máy điện Nhơn Trạch 1&2 và Nhà máy điện Cà Mau 1&2.

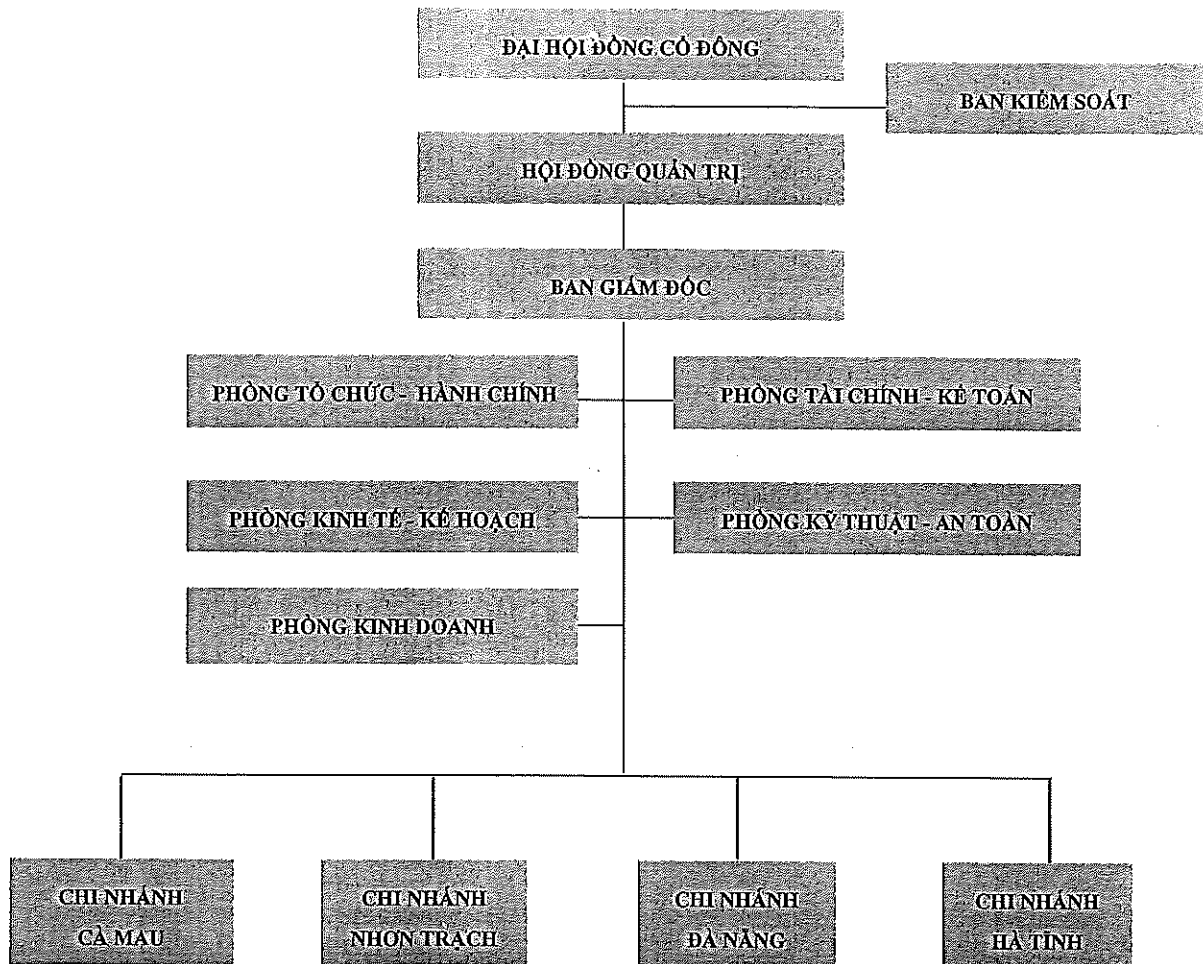
- Ngày 12/12/2011, PV Power Services thành lập Chi nhánh Đà Nẵng – Trung tâm thí nghiệm điện là đơn vị chuyên ngành điện lực và tự động hóa điện lực.
- Ngày 26/01/2015, Chi nhánh PV Power Services tại Hà Tĩnh được thành lập với nhiệm vụ thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và làm tiền đề tiếp cận và thiết lập bộ máy sản xuất trực tiếp tại Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.
- Ngày 22/4/2016, thành lập Ban chuẩn bị sản xuất bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.
- Ngày 05/10/2023, giải thể Ban chuẩn bị sản xuất bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2.
- Ngoài ra PV Power Services còn tham gia bảo dưỡng sửa chữa một số nhà máy thủy điện nên có địa bàn hoạt động rộng rãi tại Hòa Na, Quế Phong (tỉnh Nghệ An), Đăkđrinh (tỉnh Quảng Ngãi)...; Nhà máy lọc hóa dầu Bình Sơn (tỉnh Quảng Ngãi); Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn (tỉnh Thanh Hóa); Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh; các NMEĐ thuộc Tập đoàn TKV; Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát (tỉnh Lào Cai); Nhà máy Thủy điện Chư Pông Krông (tỉnh Đăk Lăk)...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị theo Mục a Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

dlg



3.2.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty thực hiện quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tăng (giảm) vốn Điều lệ, phân chia lợi nhuận, cổ tức; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát; và quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

3.2.2. Hội đồng quản trị

HĐQT là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra. HĐQT gồm một (01) Chủ tịch HĐQT và bốn (04) thành viên (trong đó có 01 thành viên độc lập). HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty do ĐHĐCĐ giao phó, thực hiện trách nhiệm giám sát hoạt

động của Người điều hành Công ty thông qua việc thực hiện các Quyết định/Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật, Điều lệ và các Quy chế phục vụ quản trị nội bộ của Công ty quy định.

3.2.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban Kiểm soát gồm ba (03) thành viên do ĐHĐCĐ bầu.

3.2.4. Người điều hành Công ty

Người điều hành Công ty hiện nay bao gồm: Giám đốc, các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng. Người điều hành Công ty do HĐQT bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty.

3.2.5. Kiểm toán nội bộ

Thực hiện yêu cầu tại Nghị định 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về Kiểm toán nội bộ, Công ty đã phân công cán bộ làm nhiệm vụ Phụ trách Kiểm toán nội bộ theo đúng quy định.

3.2.6. Khối Phòng/Ban chức năng

a. Phòng Tổ chức - Hành chính

Phòng Tổ chức - Hành chính là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty về công tác tổ chức nhân sự, đào tạo, tuyển dụng cán bộ, đổi mới doanh nghiệp; công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng; công tác lương, thưởng, chế độ chính sách; công tác Pháp chế; Công tác Đảng - Đoàn; Công tác hành chính quản trị, công tác hậu cần doanh nghiệp, văn thư văn phòng, lễ tân và lái xe.

b. Phòng Tài chính - Kế toán

Phòng Tài chính - Kế toán là bộ phận tham mưu cho Giám đốc, Hội đồng Quản trị về lĩnh vực Tài chính Kế toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

c. Phòng Kinh tế - Kế hoạch

Phòng Kinh tế - Kế hoạch là bộ phận tham mưu giúp việc cho Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty về công tác kế hoạch đầu tư, kế hoạch sản xuất kinh

doanh; quản lý thực hiện hợp đồng bảo dưỡng sửa chữa dài hạn; thống kê, quản lý, kiểm tra các Hợp đồng do các Phòng/đơn vị thực hiện; kiểm soát chi phí; công tác vật tư; công tác Marketing - PR, phát triển thương hiệu; công tác đầu tư, đánh giá hiệu quả đầu tư của các dự án do Công ty làm Chủ đầu tư; Công tác mua sắm: mua sắm thường xuyên CCDC, trang thiết bị vật tư, BHLĐ, tài sản, phương tiện, dịch vụ,... phục vụ hoạt động SXKD theo kế hoạch SXKD và trong các trường hợp khẩn cấp để phục vụ công tác BDSC các NMĐ của Công ty.

d. Phòng Kỹ Thuật – An toàn

Phòng Kỹ thuật – An toàn là bộ phận tham mưu giúp việc cho Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty về công tác quản lý kỹ thuật; xây dựng kế hoạch và phương án triển khai BDSC, theo dõi thực hiện tại các Chi nhánh; xây dựng các tài liệu, mẫu, quy trình, quy định liên quan tới kỹ thuật và hướng dẫn triển khai, đào tạo kỹ thuật cho các chi nhánh; lập kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ cho các dự án; công tác quản lý kỹ thuật hợp đồng bảo trì dài hạn; công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật; công tác đào tạo chuyên sâu và đào tạo nội bộ; công tác nghiên cứu khoa học; công tác xét duyệt chuyên gia Công ty và công tác ISO của Công ty; Quản lý công tác an toàn vệ sinh lao động, bảo hộ lao động, PCCC, PCLB&TKCN và bảo vệ môi trường (xây dựng chính sách, quy trình, quy định, hướng dẫn, giám sát, theo dõi thực hiện và báo cáo); Theo dõi, quản lý công tác nhập, xuất vật tư của Công ty; Công tác IT (quản lý và vận hành hệ thống CNTT và viễn thông của toàn Công ty, bao gồm các hệ thống máy chủ, máy tính, máy in,, đường truyền mạng WAN, mạng LAN, mạng wifi, hệ thống phần mềm văn bản, email nội bộ, website, Fanpage, hệ thống tổng đài điện thoại cố định, di động, hệ thống chấm công bằng vân tay,...).

e. Phòng Kinh doanh

Phòng Kinh doanh là bộ phận tham mưu giúp việc cho Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty về công tác tổ chức thực hiện việc phát triển, mở rộng thị trường cung cấp dịch vụ kỹ thuật thương mại cho các khách hàng mới; thiết lập hệ thống khách hàng, hệ thống nhà phân phối; tìm kiếm, xây dựng thị trường khách hàng ngoài PV Power cho Công ty; bán và quản lý thực hiện hợp đồng phát triển dịch vụ.

3.2.7. Khối sản xuất trực tiếp

a. Chi nhánh Nhơn Trạch, Chi nhánh Cà Mau, Chi nhánh Hà Tĩnh

+ Chức năng:

Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Công ty phê duyệt, các nhiệm vụ về sửa chữa, bảo dưỡng và phát triển các dịch vụ liên quan.

+ Nhiệm vụ:

- Đảm bảo tuân thủ đúng Điều lệ của Công ty, thay mặt Công ty giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan;
- Tổ chức thực hiện việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty tại khu vực Chi nhánh theo kế hoạch được giao và sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty;
- Thay mặt Công ty làm việc với các đơn vị mà Công ty tham gia cung cấp dịch vụ; Chính quyền địa phương và các đơn vị khác về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Chi nhánh theo phạm vi được ủy quyền, thường xuyên tiếp xúc, đặt mối quan hệ với các đơn vị khác để giới thiệu các dịch vụ của Công ty cung cấp;
- Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thị trường tại khu vực Chi nhánh và các vùng lân cận đồng thời tham gia xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển thị trường và đề xuất những phương án điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của từng thị trường;
- Tổ chức thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện, theo dõi, phối hợp nhằm đảm bảo hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa tại các Cơ quan đơn vị mà Công ty cung cấp dịch vụ tại khu vực Chi nhánh và khu vực khác, tuyệt đối an toàn và hiệu quả, theo dõi phối hợp bảo đảm hoàn tất mọi thủ tục liên quan đến việc bảo dưỡng, sửa chữa của Công ty (thủ tục hành chính, thủ tục giấy tờ có liên quan...);
- Quản lý, điều hành các hoạt động vốn, tài sản, ngân sách phát sinh tại Chi nhánh trong phạm vi được Công ty ủy quyền trên cơ sở tuân thủ theo Quy chế quản lý tài chính, Điều lệ của Công ty; tổ chức quản lý, sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị kỹ thuật có hiệu quả;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Công ty giao.

b. Chi nhánh Đà Nẵng

+ Chức năng:

Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Công ty phê duyệt, các nhiệm vụ về thí nghiệm điện, thi công lắp đặt các thiết bị điện, sửa chữa, bảo

dưỡng và phát triển các dịch vụ kỹ thuật liên quan của các Nhà máy điện, công trình công nghiệp.

+ Nhiệm vụ:

- Đảm bảo tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, thay mặt Công ty giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan;
- Tổ chức thực hiện việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty theo kế hoạch được giao và sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty;
- Thay mặt Công ty làm việc với các đơn vị mà Công ty tham gia cung cấp dịch vụ; Chính quyền địa phương và các đơn vị khác về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Chi nhánh theo phạm vi được ủy quyền, thường xuyên tiếp xúc, đặt mối quan hệ với các đơn vị khác để giới thiệu các dịch vụ của Công ty cung cấp;
- Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thị trường đồng thời tham gia xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển thị trường và đề xuất những phương án điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của từng thị trường;
- Tổ chức thực hiện công tác thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện, theo dõi, phối hợp nhằm đảm bảo hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa tại các Cơ quan đơn vị mà Công ty cung cấp dịch vụ tuyệt đối an toàn và hiệu quả, theo dõi phối hợp bảo đảm hoàn tất mọi thủ tục liên quan đến công tác thí nghiệm hiệu chỉnh, bảo dưỡng, sửa chữa của Công ty (thủ tục hành chính, thủ tục giấy tờ có liên quan...);
- Quản lý, điều hành các hoạt động vốn, tài sản, ngân sách phát sinh tại Chi nhánh trong phạm vi được ủy quyền của Công ty trên cơ sở tuân thủ theo Quy chế quản lý tài chính, Điều lệ của Công ty; tổ chức quản lý, sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị kỹ thuật có hiệu quả;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Công ty giao.

4. Định hướng phát triển *U*

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Phát triển PV Power Services trở thành một công ty chuyên nghiệp về cung cấp dịch vụ kỹ thuật sửa chữa bảo dưỡng các nhà máy điện, công trình công nghiệp, với mục tiêu:

- Cao về chất lượng sản phẩm dịch vụ.

- Sâu về chuyên môn nghiệp vụ.
- Rộng về địa bàn, thị trường hoạt động (truyền thống và mở rộng thị trường).
- Mạnh về sức cạnh tranh (năng lực và tài chính).
- Hiệu quả trong sản xuất.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

➤ Giai đoạn 2023-2025

- Tiếp tục là Nhà thầu chính cung cấp dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên và định kỳ cho các nhà máy điện của PVN/PVPower, bao gồm cung cấp vật tư thiết bị và duy trì hợp đồng bảo dưỡng sửa chữa cho các nhà máy thủy điện và các nhà máy điện khác ngoài ngành.
- Phát triển dịch vụ BDSC với các đơn vị ngoài PVN/PV Power, như các nhà máy Lọc hóa dầu, luyện kim, khai khoáng, Formosa, các nhà máy nhiệt điện của EVN, TKV...
- Trực tiếp thực hiện công tác BDSC lớn cho các NMD của PV Power/PVN; tiến tới xây dựng phương án phát triển dịch vụ kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thuê cho các NMD ngoài Tập đoàn; Thực hiện dịch vụ hỗ trợ, đánh giá quá trình chuẩn bị tiếp nhận vận hành (Operation Readiness Review); dịch vụ nghiệm thu chạy thử (commissioning); dịch vụ thí nghiệm hiệu chỉnh, tối ưu tổ máy, lò hơi; dịch vụ theo dõi, tối ưu hiệu năng vận hành các nhà máy.
- Hợp tác với các nhà sản xuất gốc cung cấp trọn gói dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa và các giải pháp nhằm nâng cao hiệu suất phát điện cho các nhà máy của PV Power.
- Cung cấp dịch vụ vận hành và bảo dưỡng sửa chữa cho những hệ thống độc lập trong các nhà máy điện.
- Mở rộng thêm các lĩnh vực cung cấp dịch vụ, kể cả những lĩnh vực để phục vụ công việc nội tại của PVPS như cung cấp giàn giáo..., phát triển thêm mảng dịch vụ trong ngành dân dụng như bảo dưỡng sửa chữa các hệ thống cơ điện tòa nhà...
- Nâng cấp, tái điều chỉnh nhân lực kỹ thuật của Công ty, đặc biệt là nhân lực kỹ thuật cao. Phát triển nhóm tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cho khách hàng tại Phòng dịch vụ của Công ty/các chi nhánh.

➤ Định hướng chiến lược đến 2035

- Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao để trở thành Nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật chính (vật tư, nhân công, chuyên gia) cho tất cả các Nhà máy điện thuộc Tập đoàn/Tổng công ty.
- Cung cấp dịch vụ kỹ thuật trọn gói vận hành và bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện than, điện khí trong nước và khu vực Asean.
- Đẩy mạnh phát triển hợp tác với nhiều đối tác trong và ngoài nước nhằm nâng cao năng lực sửa chữa theo nguyên tắc đôi bên cùng có lợi.
- Chuyển giao công nghệ về cải thiện hiệu suất, nâng công suất và gia tăng độ tin cậy, đánh giá vào kéo dài tuổi thọ của các thiết bị trong nhà máy.
- Tập trung đào tạo chuyên gia được các hãng lớn trên thế giới công nhận nhằm phát triển lĩnh vực dịch vụ tư vấn/kỹ thuật cao thay thế chuyên gia cho các kỳ sửa chữa lớn của các nhà máy điện trong và ngoài PVN, cụ thể cho các loại thiết bị chính trong nhà máy như: tuabin khí, tuabin hơi, phát phát điện, lò thu hồi nhiệt, các loại bơm/động cơ công suất lớn, van an toàn...
- Thực hiện cung cấp chuỗi dịch vụ kỹ thuật khép kín từ khâu sản xuất phụ tùng thay thế, hiệu chỉnh thiết bị, kiểm định đo lường thiết bị.

4.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Mục tiêu của Công ty là phát triển bền vững, vì vậy Công ty luôn chú trọng và tích cực tham gia những hoạt động nhằm hướng đến mục tiêu trách nhiệm xã hội của Doanh nghiệp.
- Công ty luôn gắn bó và thường xuyên thực hiện các hoạt động an sinh và từ thiện xã hội như:
 - Hỗ trợ nhà ở cho người lao động theo chương trình Mái ấm Công đoàn Dầu khí;
 - Tham gia các chương trình hiến máu nhân đạo;
 - Quyên góp giúp đỡ đồng bào bị thiên tai, tham gia ủng hộ các quỹ tương trợ hoàn cảnh khó khăn.
 - Quyên góp giúp đỡ đồng bào bị thiên tai, tham gia ủng hộ các quỹ tương trợ Dầu khí cho các hoàn cảnh khó khăn;
 - Ủng hộ hoạt động “Vì thế hệ trẻ” của Đoàn thanh niên Tập đoàn và “Nghĩa tình đồng đội” của Hội Cựu chiến binh.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: (Biểu 1) *U*

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Đạt (%)
I	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	270,91	310,53	114,62%
II	Tổng chi phí	Tỷ đồng	250,14	286,64	114,59%
III	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	20,78	23,89	115,0%
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	16,62	17,69	106,44%

Theo Biểu số liệu trên cho thấy:

- ❖ **Doanh thu:** Tổng giá trị thực hiện năm 2023 là 310,53/270,91 tỷ đồng, đạt 114,62% kế hoạch.
- ❖ **Tổng chi phí:** 286,64/250,14 tỷ đồng, đạt 114,59% kế hoạch.
- ❖ **Lợi nhuận trước thuế:** 23,89/20,78 tỷ đồng, đạt 115% kế hoạch.
- ❖ **Nộp ngân sách nhà nước:** 12,08/20,28 tỷ đồng, đạt 59,54% kế hoạch.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách nhân sự Ban điều hành PV Power Services đến 31/12/2023:

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Vũ Anh Tuấn	Giám đốc Công ty
2	Ông Phùng Văn Đức	Phó Giám đốc Công ty
3	Ông Phan Xuân Thắng	Phó Giám đốc Công ty
4	Ông Lê Văn Tu	Phó Giám đốc Công ty
5	Ông Bùi Văn Chính	Phó Giám đốc Công ty
6	Ông Lê Đình Thái	Kế toán trưởng Công ty

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành

TT	Chức danh	Mới	Thời điểm
1	Ông Bùi Văn Chính	Bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty	05/01/2023

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

- Tính đến thời điểm 31/12/2023, tổng số cán bộ công nhân viên là 430 người. Trong tổng số 430 CBCNV có:
 - + Tiến sỹ: 0 người
 - + Thạc sỹ: 19 người
 - + Đại học: 207 người
 - + Cao đẳng: 50 người
 - + Trung cấp: 84 người
 - + Công nhân kỹ thuật, lái xe: 70 người
 - + Lao động phổ thông: 0 người
 - + Cán bộ nữ: 49 người
 - + Tuổi trung bình cán bộ: 38,8
- Công ty thực hiện trên nguyên tắc phân phối tiền lương, thu nhập theo năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nhà nước, đồng thời khuyến khích CBCNV và người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Đảm bảo 100% CBCNV được ký Hợp đồng lao động theo quy định.
- Công tác thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN đảm bảo tuân thủ theo quy định của Nhà nước. Ngoài ra Công ty đã ký với PVI Hợp đồng “Bảo hiểm con người với trách nhiệm cao” cho toàn bộ CBCNV, giải quyết tốt chế độ chính sách cho người lao động; chăm lo đời sống cho CBCNV nhân dịp các ngày lễ lớn.
- Công ty đã thực hiện đúng quy chế trả lương, thưởng cho người lao động, đảm bảo quyền lợi cho người lao động trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn: Không có.

3.2. Các Công ty con, Công ty liên kết:

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC);
- Địa chỉ: Tầng 17, tòa nhà INCON 4, số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội;
- Giấy đăng ký KD số: 0103035042;
- Vốn Điều lệ: 42.352.900.000 đồng;
- Tỷ lệ PV Power Services nắm giữ cổ phần tại PV Tech (PAIC): 11,9% Vốn Điều lệ;
- Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2022	Thực hiện 2023	% so với năm trước
Tổng giá trị tài sản	Đồng	72.432.012.328	73.375.811.666	101,30%
Doanh thu thuần	Đồng	74.638.273.156	118.453.665.098	158,70%
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	Đồng	4.575.886.363	6.103.705.236	133,39%
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	4.567.221.112	6.099.131.295	133,54%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	3.613.643.739	4.823.060.206	133,47%

(Nguồn dữ liệu: Báo cáo tài chính 2023 trước kiểm toán của PAIC)

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

(Biểu 2- Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% so với năm trước
Tổng giá trị tài sản	446.055.307.531	265.932.504.253	59,62%
Doanh thu thuần	259.665.241.559	303.639.860.524	116,94%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	21.370.159.422	25.990.017.659	121,62%
Lợi nhuận trước thuế	23.239.836.880	23.890.775.977	102,80%
Lợi nhuận sau thuế	18.469.897.356	17.690.519.694	95,78%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	9,9%	9,4%	94,95%

Ghi chú: Tỷ lệ trả cổ tức 2023 chỉ mang tính chất dự báo, tỷ lệ chi trả chính thức được Đại Hội đồng cổ đông thông qua tại phiên họp thường niên 2024.

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

(Biểu 3)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2023
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,58	2,90
+ Hệ số thanh toán nhanh			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	Lần	1,50	2,59
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản			
	Lần	0,58	0,29
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu			
	Lần	1,36	0,41
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	9,81	10,06
+ Vòng quay tổng tài Sản/Total asset turnover:			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	0,58	1,14
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần			
	%	7,11	5,83
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu			
	%	9,76	9,39
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản			
	%	4,14	6,65
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần			
	%	8,23	8,56

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số V256/2023-PPS/VSD-ĐK chốt 16/3/2023 do Trung tâm lưu ký chứng khoán ban hành ngày 20/3/2023.

a. Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 15.000.000 Cổ phần;
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 2.700.000 Cổ phần;
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 12.300.000 Cổ phần.

b. Cơ cấu cổ đông

Cổ đông lớn: 2 cổ đông, nắm giữ 10.350.000 cổ phần tương đương 69% tổng số cổ phần:

- Cổ đông là tổ chức trong nước: 1 cổ đông, nắm giữ 7.650.000 cổ phần, tương đương 51% tổng số cổ phần;
- Cổ đông là tổ chức nước ngoài: 1 cổ đông, nắm giữ 2.700.000 cổ phần, tương đương 18% tổng số cổ phần.

Các cổ đông khác nắm giữ: 4.650.000 cổ phần, tương đương 31% tổng số cổ phần.

c. **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** không có.

d. **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có.

e. **Các chứng khoán khác:** Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Tính đến thời điểm ngày 31/12/2023, tổng số lao động trong toàn Công ty là 430 người.
- Tiền lương bình quân năm 2023 là 20.5 triệu đồng/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Thực hiện chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn cho NLĐ:
 - + Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, thực hiện các chế độ phụ cấp độc hại, bồi dưỡng bằng hiện vật; phụ cấp ăn ca; theo quy định của Nhà nước.
 - + Tổ chức các khóa huấn luyện ATVSLĐ cho CBCNV theo nghị định 44/2016/NĐ-CP; Tổ chức huấn luyện, kiểm tra sát hạch an toàn điện định kỳ hàng năm cho CBCNV Phòng Kỹ thuật An toàn và các Chi nhánh trực thuộc Công ty.
 - + Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV.
 - + Tổ chức thực hiện khám phát hiện bệnh nghề nghiệp theo kế hoạch.
 - + Mua Bảo hiểm con người kết hợp mức trách nhiệm cao để khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người lao động trong toàn Công ty.
 - + Tổ chức thăm quan, nghỉ mát cho CBCNV nhằm tái tạo sức lao động và sự đoàn kết trong tập thể người lao động.
- Chế độ phúc lợi, chăm lo đời sống CBCNV và các phong trào đoàn thể:

Paula

- + Công ty luôn quan tâm và phối hợp với Công đoàn thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho Người lao động, thực hiện đảm bảo chế độ chính sách, khen thưởng, phúc lợi cho toàn thể CBCNV Công ty.
- + Chi quỹ phúc lợi cho CBCNV vào các dịp lễ Tết trong năm 2023; Hỗ trợ kinh phí cho các Công đoàn Bộ phận trực thuộc tổ chức chương trình Tết sum vầy nhân dịp Tết Nguyên Đán Quý Mão năm 2023.
- + Đảm bảo các chế độ ưu tiên khác cho lao động nữ như: trợ cấp các chế độ liên quan đến thai sản và nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi theo quy định của Nhà nước; chi tiền hỗ trợ chăm sóc sắc đẹp hàng tháng cho nữ CBCNV; Tổ chức chương trình và tặng quà cho nữ CBCNV Công ty vào các dịp kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 08/3, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10.
- + Tặng quà cho thiếu nhi là con CBCNV Công ty nhân dịp Tết thiếu nhi 01/6. Tặng quà cho 648 cháu thiếu nhi là con CBCNV Công ty nhân dịp Tết trung thu, kết hợp phát tặng quà khen thưởng cho 301 cháu có thành tích cao trong học tập.
- + Tổ chức thăm hỏi và tặng quà cho người thân 102 CBCNV đã có công với cách mạng nhân kỷ niệm ngày thương binh liệt sỹ 27/7.
- + Đoàn thanh niên Công ty đã trao tặng cho các em học sinh giỏi trên địa bàn các tỉnh Cà Mau, Nhơn Trạch, Hà Tĩnh có hoàn cảnh khó khăn với số tiền ủng hộ là 30 triệu đồng.
- + Công ty đã tiến hành công nhận 29 sáng kiến cải tiến kỹ thuật lại nhiều lợi ích cho sản xuất kinh doanh.
- + Công nhận 17 chuyên gia kỹ thuật của PV Power Services trong nhiều lĩnh vực như Cơ Nhiệt, Điện - Tự động.

c. Hoạt động đào tạo người lao động

Với mục đích xây dựng đội ngũ CBCNV Công ty thành thạo về nghiệp vụ, bắt kịp được sự phát triển về khoa học kỹ thuật của khu vực, góp phần thực hiện tốt chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm 2023, Công ty đào tạo cho 165 lượt người/165 lượt người (đạt 100% Kế hoạch).

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC *HT*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

(Biểu 4) Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Đạt (%)
I	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	270,91	310,53	114,62%
II	Tổng chi phí	Tỷ đồng	250,14	286,64	114,59%
III	Lợi nhuận trước thuế tính toán	Tỷ đồng	20,78	23,89	115,0%
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	16,62	17,69	106,44%

Như đã báo cáo và phân tích tại Biểu 1, Biểu 2, Biểu 3 và Biểu 4, Ban Giám đốc đánh giá Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận được ĐHĐCĐ thông qua, duy trì được sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo được lợi ích của cổ đông, trong đó những yếu tố quan trọng tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty được xác định như sau:

- Hoàn thành các công tác BDSC thường xuyên, đột xuất và xử lý các sự cố, tồn tại, bất thường thiết bị/hệ thống các NMD Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2 và Vũng Áng 1.
- Thực hiện công tác bảo dưỡng SCDK đạt/vượt tiến độ thống nhất với Chủ đầu tư.
- Trong năm 2023, PV Power Services đã nỗ lực và hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra: doanh thu được đạt 114,62% và lợi nhuận đạt 115% kế hoạch giao.
- Công tác phát triển dịch vụ tiếp tục được đẩy mạnh, tích cực tìm kiếm mở rộng hợp đồng dịch vụ nhằm nâng cao doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

2. Kế hoạch năm 2024

- Thực hiện bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, đột xuất/khắc phục bất thường/sự cố của các NMD Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2, NMD Vũng Áng 1 và NMD Formosa Hà Tĩnh theo Hợp đồng đã ký đảm bảo an toàn, tiến độ, chất lượng và hiệu quả và thực hiện công tác.

- Thực hiện công tác bảo dưỡng SCĐK các nhà máy điện trong Tổng công ty đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn.
- Tăng cường công tác xúc tiến, tiếp cận, tham gia đấu thầu, ký kết và thực hiện Hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật cho các khách hàng/Chủ đầu tư mới ngoài các Hợp đồng đã ký phù hợp với năng lực/kinh nghiệm của Công ty nhằm tối ưu hóa sử dụng nguồn nhân lực, tài sản, công cụ dụng cụ để gia tăng doanh thu, lợi nhuận, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như cải thiện đời sống CBCNV của Công ty.
- Phát huy các lợi thế trong Tập đoàn và Tổng công ty, tích cực tìm kiếm các công việc trong ngành để tăng doanh thu từ: Thái Bình 2; Sông Hậu 1; Nhơn Trạch 3,4;...
- Tập trung nâng cao công tác quản lý, quản trị điều hành hoạt động của Công ty. Kiểm soát tốt và tiết giảm tối đa các khoản chi phí (đặc biệt chi phí quản lý, chi phí mua ngoài); Quản lý và sử dụng vốn, tài sản an toàn, đúng mục đích đảm bảo hoạt động SXKD có hiệu quả; Thực hiện công tác đầu tư/mua sắm tài sản/trang thiết bị, CCDC đáp ứng kịp thời phục vụ công tác bảo dưỡng sửa chữa các Nhà máy điện, đảm bảo tính pháp lý, theo quy định hiện hành của Công ty và Nhà nước.
- Thực hiện các biện pháp về lao động, đào tạo, nhân sự, tài chính để nâng cao hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đảm bảo chăm lo đời sống cho người lao động, tăng cường hoạt động các phong trào đoàn thể trong toàn Công ty; khen thưởng, phúc lợi, ăn ca, chế độ BHXH đảm bảo đầy đủ theo quy định.
- Chuẩn bị cho công tác sửa chữa định kỳ năm 2025 theo kế hoạch.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Đại hội đồng cổ đông giao.
- Một số chỉ tiêu kế hoạch dự kiến năm 2024:

+	Tổng doanh thu:	263,40 tỷ đồng.
+	Tổng chi phí:	242,62 tỷ đồng.
+	Lợi nhuận trước thuế:	20,78 tỷ đồng.
+	Lợi nhuận sau thuế:	16,62 tỷ đồng. <i>U</i>

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá chung

- Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 thông qua;
- Các tiêu chí bảo toàn vốn, hiệu suất sử dụng vốn đều phản ánh sự ổn định, an toàn trong việc sử dụng vốn.

2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

2.1. Về thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh

- Hoàn thành vượt mức nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2023, bám sát kế hoạch đã đề ra, cụ thể:
 - Doanh thu đạt: 114,62 % kế hoạch.
 - Lợi nhuận sau thuế đạt: 106,44 % kế hoạch.
- Báo cáo đầy đủ kết quả thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng Quản trị giao.

2.2. Về công tác quản lý điều hành

- Tiếp tục rà soát hệ thống văn bản pháp lý trong công tác quản lý để hiệu chỉnh, cập nhật thông tin quản lý phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty qua từng thời kỳ;
- Thực hiện tiêu chuẩn hóa cán bộ, sắp xếp nhân lực theo đúng chức danh, công việc, đánh giá hiệu quả công việc để áp dụng mức lương tương ứng. Phân công, phân cấp quản lý trong ban lãnh đạo theo từng lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện sửa đổi các Quy chế, Quy định của Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với tình hình SXKD của Công ty;
- Thực hiện kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động chi tiêu, quản lý sản xuất tại các Chi nhánh. Tuân thủ Điều lệ và các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng Quản trị

- Chỉ đạo, giám sát thường xuyên công tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023. Đồng thời hỗ trợ và phối hợp cùng Ban Giám đốc Công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để xử lý và quyết định những vấn đề phục vụ cho sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất;
- Hội đồng Quản trị tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện tái cơ cấu tổ chức công ty phù hợp với tình hình thực tế và với chủ trương của Nhà nước và Tập đoàn Dầu khí;



- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động khác của Hội đồng Quản trị theo đúng quyền hạn và trách nhiệm, kịp thời khắc phục khó khăn để cùng với Ban Giám đốc phấn đấu đưa Công ty ngày càng phát triển xứng đáng với mong muốn của cổ đông;
- Tối đa hoá lợi ích cho Cổ đông, kết hợp với việc đảm bảo thu nhập và chăm sóc quyền lợi chính đáng cho người lao động;
- Tìm kiếm thị trường mới kết hợp với việc nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị

a. Thành viên, cơ cấu Hội đồng Quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ trong HĐQT	Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết	Chức danh tại Công ty khác	Ghi chú
1	Ông Bùi Duy Nhị	Chủ tịch HĐQT	15%	Không	
2	Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT/ Giám đốc Công ty	12%	Không	
3	Ông Hồ Nguyễn Hoàng	Thành viên HĐQT chuyên trách	12%	Không	Được ĐHĐCĐ bầu ngày 20/4/2023
4	Ông Phan Ngọc Anh	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	12%	Phó Trưởng Ban Kỹ thuật Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Được ĐHĐCĐ miễn nhiệm ngày 20/4/2023
5	Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	12%	Phó Trưởng Ban Thương mại Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	
6	Ông Vũ Huy An	Thành viên độc lập HĐQT	0%	Không	

b. Các tiểu ban Hội đồng Quản trị: Hội đồng Quản trị hiện nay không có tiểu ban.

c. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

- HĐQT đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Giám đốc và các bộ phận quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ đúng Pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.
- Định kỳ hàng tháng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và thành viên Hội đồng Quản trị đã tham dự các cuộc họp giao ban với Ban Giám đốc, Trưởng các phòng chức năng của Công ty để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tiến độ triển khai các dự án, đồng thời có những ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp.
- Trong những trường hợp phát sinh các vấn đề trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc thẩm quyền Hội đồng Quản trị, trên cơ sở các tờ trình của Giám đốc Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chỉ đạo lấy ý kiến các thành viên để ban hành các Nghị quyết Hội đồng Quản trị kịp thời.
- Trong năm 2023 Hội đồng Quản trị đã thực hiện việc giám sát các hoạt động:
 - Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 và xác định mục tiêu cụ thể cho từng tháng/Quý cho năm 2023.
 - Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 vào ngày 20/4/2023.
 - Xem xét phương hướng triển khai sản xuất kinh doanh của Công ty từng Quý, kịp thời đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch đồng thời đưa ra định hướng, giải pháp để thực hiện mục tiêu kế hoạch cả năm 2023.
 - Chỉ đạo Giám đốc và các bộ phận tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp như: Giải pháp Kỹ thuật nhằm ổn định công tác bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện kết hợp với Quản lý các chi phí, Quản lý vật tư, nguồn nhân lực... nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
 - Giao Giám đốc tổ chức thực hiện và phối hợp tốt với các đoàn thể như Công đoàn và Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động phong trào nâng cao tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, chia sẻ khó khăn cùng nhau phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.



- Hội đồng Quản trị đã đưa ra định hướng, các giải pháp phù hợp và kịp thời để chỉ đạo thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, kiểm tra, kiểm soát.
- Trong năm 2023, Hội đồng Quản trị đã tổ chức họp định kỳ theo Quý, cụ thể như sau:
 - Họp HĐQT quý I/2023 ngày 10/4/2023: Nội dung cuộc họp đã được công bố thông tin chi tiết tại Nghị quyết số 72/NQ/DVKT-HĐQT ngày 12/4/2022.
 - Họp HĐQT Quý II/2023 ngày 05/7/2023: Nội dung cuộc họp đã được công bố thông tin chi tiết tại Nghị quyết số 119/NQ/DVKT-HĐQT ngày 07/7/2023.
 - Họp HĐQT Quý III/2023 ngày 11/10/2023: Nội dung cuộc họp đã được công bố thông tin chi tiết tại Nghị quyết số 168/NQ/DVKT-HĐQT ngày 13/10/2023.
 - Họp HĐQT Quý IV/2023 ngày 10/01/2024: Nội dung cuộc họp đã được công bố thông tin chi tiết tại Nghị quyết số 03/NQ/DVKT-HĐQT ngày 12/01/2024.

(Chi tiết tại các Nghị quyết đính kèm).

d. Hoạt động của Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

- Trong năm Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị đã thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy vai trò Thành viên độc lập HĐQT trong việc đảm bảo quyền lợi cho cổ đông của Công ty.

e. Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: Không.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh trong BKS	Tỷ lệ nắm giữ Cổ phần	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Quang Đông	Trưởng Ban Kiểm soát	0%	Ông Nguyễn Quang Đông được bầu làm Trưởng Ban Kiểm soát ngày 20/4/2023
2	Bà Nghiêm Thị Phượng	Kiểm soát viên	0%	
3	Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Kiểm soát viên	0%	Được ĐHĐCĐ bầu ngày 20/4/2023
4	Ông Phạm Hùng Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	1000 cổ phiếu	ĐHĐCĐ miễn nhiệm ngày 20/4/2023

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

a. Công tác kiểm tra, giám sát định kỳ

Ban Kiểm soát thực hiện công tác kiểm tra, giám sát định kỳ hàng quý theo kế hoạch kiểm soát năm 2023 được ĐHĐCĐ năm 2023 thông qua.

b. Nội dung kiểm tra, giám sát

Ban Kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và kế hoạch hoạt động kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên (ĐHĐCĐ) năm 2023 thông qua.

Ban Kiểm soát hoạt động trên nguyên tắc độc lập; tuân thủ Pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công ty và hệ thống Quy chế, Quy định quản lý nội bộ của Công ty. Ban Kiểm soát thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình một cách trung thực và cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và các cổ đông. Việc kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát không làm gián đoạn hoạt động bình thường của Công ty; không cản trở công tác quản trị, điều hành Công ty của HĐQT và Ban Giám đốc.

Ban Kiểm soát căn cứ vào quy định của Pháp luật của Nhà nước trong các lĩnh vực; Điều lệ Công ty và hệ thống Quy chế, Quy định quản lý nội bộ của Công ty; các tài liệu được Công ty công bố công khai (và, hoặc) cung cấp cho Ban Kiểm soát để áp dụng các kỹ thuật kiểm tra cần thiết nhằm đưa ra ý kiến đánh giá về kết quả thực hiện các nhiệm vụ SXKD của Công ty, (và, hoặc) đề xuất các kiến nghị hoàn thiện về công tác quản trị điều hành của Công ty.

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã thực hiện những công tác sau:

- Giám sát việc Công ty triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2023;
- Giám sát việc Công ty tuân thủ Pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công ty và hệ thống Quy chế, Quy định quản lý nội bộ của Công ty; việc chấp hành các văn bản chỉ đạo điều hành của Tổng công ty;
- Giám sát hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong hoạt động quản trị, điều hành sản xuất kinh doanh (SXKD) của HĐQT và Ban Giám đốc; trong tổ chức công tác tài chính kế toán, thống kê (TCKTTK) và lập báo cáo tài chính (BCTC) của Công ty;
- Thẩm định BCTC quý và cả năm của Công ty;
- Tham dự các cuộc họp HĐQT và các cuộc họp của Công ty;
- Tổ chức ba (03) cuộc kiểm tra, kiểm soát: tại Chi nhánh Cà Mau, Chi nhánh Nhơn Trạch và Văn phòng Công ty vào quý II/2023; tại Chi nhánh Hà Tĩnh vào quý III/2023; tại Văn phòng Công ty vào quý IV/2023. Các cuộc kiểm tra, kiểm soát tại các Chi nhánh Công ty được Ban Kiểm soát phối hợp thực hiện cùng với đoàn kiểm tra của Công ty để đảm bảo công tác tổ chức được gọn nhẹ, hiệu quả và tiết kiệm thời gian;
- Đưa ra các ý kiến, lưu ý và kiến nghị đối với HĐQT, Ban Giám đốc và các Phòng, Ban, Chi nhánh Công ty về các vấn đề trong hoạt động quản trị, quản lý và điều hành SXKD; tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập BCTC của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các kiến nghị của BKS;
- Thực hiện các hoạt động thường quy theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.



Trong năm 2023, kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát và các ý kiến, lưu ý, kiến nghị của Ban Kiểm soát đã được HĐQT, Ban Giám đốc và các Phòng, Ban, Chi nhánh Công ty ghi nhận và lưu tâm thực hiện. Ban Kiểm soát cho rằng công tác kiểm tra, kiểm soát và đưa ra ý kiến nhận xét, đánh giá, kiến nghị trong năm 2023 là đúng với chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát; đóng góp vào việc hoàn thiện công tác quản trị và điều hành các mặt hoạt động SXKD của Công ty.

Ban Kiểm soát đánh giá HĐQT và Ban Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện đầy đủ cho Ban Kiểm soát thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm và nội dung công việc của Ban Kiểm soát theo quy định. Các lưu ý, kiến nghị của Ban Kiểm soát được lắng nghe, tiếp thu (và, hoặc) đưa vào Nghị quyết, Thông báo kết luận và được HĐQT và Ban Giám đốc lưu tâm chỉ đạo thực hiện.

Ban Kiểm soát đánh giá việc Công ty thực hiện các nhiệm vụ SXKD năm 2023 đã đạt được các kết quả tốt và đã bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023 và kế hoạch nhiệm vụ SXKD năm 2023 của HĐQT.

Ban Kiểm soát đánh giá công tác quản trị và điều hành các mặt hoạt động SXKD của HĐQT và Ban Giám đốc đã trung thực, cẩn trọng và phát huy hiệu quả; đã lãnh đạo định hướng Công ty bám sát chiến lược phát triển, vượt qua các khó khăn để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ SXKD được ĐHĐCĐ năm 2023 và Tổng công ty giao kế hoạch. HĐQT và Ban Giám đốc đang tiếp tục đẩy mạnh đổi mới tư duy kinh doanh, tái cấu trúc hoạt động SXKD, sắp xếp lại bộ máy tổ chức, tận dụng tối đa các thế mạnh nội tại của Công ty, khai thác triệt để tiềm năng sức mạnh của lực lượng lao động, hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ... để ngày càng nâng cao năng lực cạnh tranh về chất lượng, tiến độ và giá thành cung cấp dịch vụ kỹ thuật của Công ty.

c. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã tổ chức bốn (04) cuộc họp định kỳ hàng quý:

- + Hình thức họp: Họp trực tiếp tại trụ sở Công ty;
- + Thành phần tham dự họp: Đầy đủ các Thành viên Ban Kiểm soát;
- + Nội dung họp:



- Cập nhật, thảo luận, làm rõ tình hình SXKD của Công ty;
- Thông qua nội dung kế hoạch công tác kiểm soát hàng quý;
- Thống nhất nội dung báo cáo kiểm soát hàng quý và các ý kiến, kiến nghị, lưu ý đối với HĐQT, Ban Giám đốc và các Phòng, Ban, Chi nhánh Công ty;

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã tổ chức sáu (06) cuộc họp chuyên đề với hình thức họp trực tiếp tại trụ sở Công ty để thống nhất nội dung kế hoạch kiểm soát và nội dung báo cáo kết quả kiểm soát tại Chi nhánh Cà Mau, Chi nhánh Nhơn Trạch và Văn phòng Công ty vào quý II/2023; tại Chi nhánh Hà Tĩnh vào quý III/2023; tại Văn phòng Công ty vào quý IV/2023;

Ban Kiểm soát đã tổ chức họp hội ý nhanh nhiều lần (trực tiếp hoặc online) để thảo luận, thống nhất giữa các Thành viên Ban Kiểm soát về các hoạt động của Ban Kiểm soát; về các vấn đề chuyên môn và trao đổi cập nhật các công việc liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty;

Sau khi trao đổi, thảo luận công khai trong các cuộc họp, 100% các Thành viên Ban Kiểm soát đều thống nhất thông qua các nội dung được đưa ra để bàn thảo hoặc xin ý kiến.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Người điều hành Công ty và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

3.1.1. Lương thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty

S tt	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương/Thu nhập năm 2023 (Đồng)
1	Ông Bùi Duy Nhị	Chủ tịch HĐQT	932.387.615
2	Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT, Giám đốc	932.387.615
3	Ông Hồ Nguyễn Hoàng	Thành viên HĐQT chuyên trách (từ 20/4/2023)	440.078.599
4	Ông Phạm Hùng Anh	Trưởng Ban Kiểm soát (đến hết ngày 20/4/2023)	269.083.839
5	Ông Lê Đình Thái	Kế toán trưởng	704.430.145

3.1.2. Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát

Sig

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao/ tháng (Đồng)
1	Ông Phan Ngọc Anh	Thành viên HĐQT	5.000.000 (đến hết tháng 3/2023)
5	Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao	Thành viên HĐQT	5.000.000
6	Ông Vũ Huy An	Thành viên độc lập HĐQT	5.000.000
7	Ông Nguyễn Quang Đông	Trưởng Ban Kiểm soát	3.000.000 (đến hết tháng 3/2023) 5.000.000 (từ tháng 4/2023)
8	Bà Nghiêm Thị Phượng	Thành viên BKS	3.000.000
9	Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Thành viên BKS	3.000.000

3.2. *Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có.*

3.3. *Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có.*

3.4. *Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Tuân thủ theo quy định pháp luật về quản trị Công ty.*

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1.1. Ý kiến kiểm toán

- Đơn vị kiểm toán độc lập: CÔNG TY TNHH Hãng kiểm toán AASC.
- Ý kiến kiểm toán viên: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

1.2. Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2023: Chi tiết như đính kèm.

- Xem toàn văn Báo cáo tài chính tại website: www.pvps.vn/. *par dg*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT (để b/c);
- Hội đồng Quản trị (e-copy);
- Ban Kiểm soát (e-copy);
- Ban Giám đốc (e-copy);
- Lưu: VT, HĐQT.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

GIÁM ĐỐC


Vũ Anh Tuấn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-30
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-30

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102560459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 07 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Duy Nhị	Chủ tịch	
Ông Vũ Anh Tuấn	Ủy viên	
Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao	Ủy viên	
Ông Vũ Huy An	Ủy viên	
Ông Hồ Nguyễn Hoàng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20/04/2023
Ông Phan Ngọc Anh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20/04/2023

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Anh Tuấn	Giám đốc	
Ông Phùng Văn Đứơc	Phó Giám đốc	
Ông Phan Xuân Thắng	Phó Giám đốc	
Ông Lê Văn Tu	Phó Giám đốc	
Ông Bùi Văn Chính	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05/01/2023

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Quang Đông	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20/04/2023
Ông Phạm Hùng Anh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 20/04/2023
Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/04/2023
Bà Nghiêm Thị Phượng	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Vũ Anh Tuấn

Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được lập ngày 29 tháng 02 năm 2024, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC




Nguyễn Tuấn Anh

Giám đốc Kiểm toán
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1369-2023-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2024



Dương Quân Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1686-2023-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		224.396.863.714	406.386.016.649
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	28.431.244.144	20.917.908.231
111	1. Tiền		8.431.244.144	20.917.908.231
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	59.470.000.000	80.970.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		59.470.000.000	80.970.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		107.388.660.967	283.744.784.464
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	103.712.348.807	281.130.285.313
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		214.792.080	24.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	3.461.520.080	2.590.499.151
140	IV. Hàng tồn kho	7	23.859.848.731	20.753.323.954
141	1. Hàng tồn kho		23.859.848.731	20.753.323.954
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.247.109.872	-
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	64.113.118	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.182.996.754	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		41.535.640.539	39.669.290.882
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		37.860.000	32.860.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	37.860.000	32.860.000
220	II. Tài sản cố định		13.282.202.442	11.566.851.461
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	13.282.202.442	11.566.851.461
222	- Nguyên giá		90.495.095.233	86.061.539.988
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(77.212.892.791)	(74.494.688.527)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	-	-
228	- Nguyên giá		2.288.155.290	2.288.155.290
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.288.155.290)	(2.288.155.290)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	5.040.000.000	5.040.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.040.000.000	5.040.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		23.175.578.097	23.029.579.421
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	23.175.578.097	23.029.579.421
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		265.932.504.253	446.055.307.531

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		77.486.163.721	256.755.507.221
310	I. Nợ ngắn hạn		77.486.163.721	256.755.507.221
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	28.394.381.980	192.408.254.272
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	1.192.198.584	5.635.537.036
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	3.585.984.751	4.009.999.109
314	4. Phải trả người lao động		31.379.146.540	36.790.748.202
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	4.408.532.293	3.227.705.812
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	36.818.183
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	7.055.835.778	13.675.870.284
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.470.083.795	970.574.323
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		188.446.340.532	189.299.800.310
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	188.446.340.532	189.299.800.310
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		150.000.000.000	150.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		20.686.994.576	20.686.994.576
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		17.759.345.956	18.612.805.734
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		68.826.262	142.908.378
421b	LNST chưa phân phối năm nay		17.690.519.694	18.469.897.356
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>265.932.504.253</u>	<u>446.055.307.531</u>

gms th

[Signature]



Hoàng Thị Hồng Trang
Người lập

Lê Đình Thái
Kế toán trưởng

Vũ Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	303.639.860.524	259.665.241.559
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		303.639.860.524	259.665.241.559
11	4. Giá vốn hàng bán	19	240.016.200.699	203.687.953.208
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		63.623.659.825	55.977.288.351
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	6.595.985.406	5.509.014.441
22	7. Chi phí tài chính	21	69.724.653	155.772.242
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	7.845.994
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	44.159.902.919	39.960.371.128
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		25.990.017.659	21.370.159.422
31	11. Thu nhập khác	23	295.853.250	2.175.764.684
32	12. Chi phí khác	24	2.395.094.932	306.087.226
40	13. Lợi nhuận khác		(2.099.241.682)	1.869.677.458
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		23.890.775.977	23.239.836.880
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	6.200.256.283	4.769.939.524
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		17.690.519.694	18.469.897.356
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	943	985

gmath

[Signature]



[Signature]

Hoàng Thị Hồng Trang
Người lập

Lê Đình Thái
Kế toán trưởng

Vũ Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		23.890.775.977	23.239.836.880
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.444.688.196	5.847.245.378
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		48.059.508	147.926.248
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.592.919.461)	(6.507.437.410)
06	- Chi phí lãi vay		-	7.845.994
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		21.790.604.220	22.735.417.090
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		172.141.190.086	2.158.837.996
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(3.106.524.777)	(11.062.128.367)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(180.244.197.791)	13.973.788.574
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(210.111.794)	643.082.901
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(7.845.994)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.913.788.575)	(4.231.154.981)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.194.470.000)	(4.382.123.003)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.262.701.369	19.827.874.216
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(6.160.039.177)	(2.486.044.848)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.004.545	1.025.977.704
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(174.970.000.000)	(152.850.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		196.470.000.000	77.050.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.617.851.573	4.431.850.802
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		20.959.816.941	(72.828.216.342)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	3.186.234.938
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		-	(3.186.234.938)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(14.710.172.229)	(13.352.504.230)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(14.710.172.229)	(13.352.504.230)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		7.512.346.081	(66.352.846.356)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		20.917.908.231	87.271.432.992
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		989.832	(678.405)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>28.431.244.144</u>	<u>20.917.908.231</u>



Hoàng Thị Hồng Trang
Người lập



Lê Đình Thái
Kế toán trưởng



Vũ Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102560459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 07 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 150.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 150.000.000.000 VND; tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 431 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 438 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ vận hành nhà máy điện;
- Dịch vụ kỹ thuật: bảo trì, bảo dưỡng, đại tu nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan;
- Kinh doanh vật tư thiết bị máy móc và hệ thống thiết bị dây chuyền đồng bộ phục vụ cho ngành điện, thông tin viễn thông và các ngành công nghiệp khác;
- Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy điện và công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Tư vấn, thiết kế, biên dịch, biên soạn tài liệu và các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng mới, năng lượng tái tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (Không bao gồm thiết kế công trình);
- Thi công trạm biến áp, đường dây truyền tải và hệ thống điện, hệ thống đo lường điều khiển tự động, hệ thống thông tin viễn thông và hệ thống cung cấp và xử lý nước cho công trình công nghiệp và dân dụng;
- Đầu tư sản xuất thiết bị điện, phụ tùng vật tư cho ngành điện dầu khí và các ngành công nghiệp khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: cho thuê nhà sử dụng làm văn phòng.

Cấu trúc doanh nghiệp**Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ
thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam**Địa chỉ**

Cà Mau

Hoạt động kinh doanh chínhQuản lý và điều phối công nhân
thi công công trình trên địa bànChi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ
thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Đồng Nai

Quản lý và điều phối công nhân
thi công công trình trên địa bànChi nhánh Hà Tĩnh - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ
thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Hà Tĩnh

Quản lý và điều phối công nhân
thi công công trình trên địa bànChi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện
lực Dầu khí Việt Nam tại Đà Nẵng - Trung tâm Thí
nghiệm điện

Đà Nẵng

Kinh doanh dịch vụ thí nghiệm,
hiệu chỉnh thiết bị điện**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY****2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí thuê văn phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng cho thuê;
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 2 đến 3 năm.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua việc phân phối lợi nhuận và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

2.21 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là sửa chữa các nhà máy điện và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	288.688.926	232.012.685
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.142.555.218	20.685.895.546
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	-
	<u>28.431.244.144</u>	<u>20.917.908.231</u>

Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 20.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam với lãi suất 3,4%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	59.470.000.000	-	80.970.000.000	-
	59.470.000.000	-	80.970.000.000	-

Tại ngày 31/12/2023, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 06 đến 12 tháng có giá trị 59.470.000.000 VND được gửi tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất từ 4,7%/năm đến 8,0%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi trị giá 5.170.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương Việt Nam với lãi suất 4,7%/năm đang tạm ngừng giao dịch và Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản tiền gửi này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Mã CK	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
PAI	5.040.000.000	-	5.040.000.000	-
	5.040.000.000	-	5.040.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do khoản đầu tư này đăng ký giao dịch trên sàn Upcom nhưng hầu như không phát sinh giao dịch và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	Hà Nội	11,90%	11,90%	Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa, năng lượng sạch

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/NQ/DVKT-HĐQT ngày 19 tháng 01 năm 2021, Công ty đang lên phương án thoái vốn tại Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) cụ thể như sau:

- Tổng số cổ phần chuyển nhượng: 504.000 cổ phần (toàn bộ số cổ phần PAIC Công ty đang nắm giữ);
- Hình thức chuyển nhượng: theo giá thỏa thuận được thực hiện thông qua hợp đồng chuyển nhượng cổ phần;
- Giá trị chuyển nhượng: 10.503 VND/cổ phần.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Công ty chưa thực hiện được việc chuyển nhượng khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>82.576.079.940</i>	-	<i>275.868.535.823</i>	-
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	3.546.640.264	-	199.964.530.679	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	12.800.343.498	-	11.220.303.173	-
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	18.652.639.071	-	7.150.247.421	-
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	47.519.934.227	-	44.991.694.810	-
Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật (PVPTSC)	56.522.880	-	10.155.894.704	-
BQLDA Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	-	-	1.890.673.600	-
BQLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	-	-	495.191.436	-
<i>Bên khác</i>	<i>21.136.268.867</i>	-	<i>5.261.749.490</i>	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp nặng IBS	9.339.141.838	-	-	-
Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1	10.656.129.625	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	1.140.997.404	-	5.261.749.490	-
	<u>103.712.348.807</u>	<u>-</u>	<u>281.130.285.313</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	403.200.000	-	403.200.000	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.176.042.932	-	1.202.979.589	-
Tạm ứng	502.727.409	-	146.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	147.447.875	-	147.447.875	-
Phải thu khác	232.101.864	-	690.871.687	-
	3.461.520.080	-	2.590.499.151	-
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	403.200.000	-	403.200.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	403.200.000	-	403.200.000	-
Bên khác	3.058.320.080	-	2.187.299.151	-
Đối tượng khác	3.058.320.080	-	2.187.299.151	-
	3.461.520.080	-	2.590.499.151	-
b) Dài hạn				
Phải thu khác	37.860.000	-	32.860.000	-
	37.860.000	-	32.860.000	-

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	116.164.921	-	85.732.692	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	23.743.683.810	-	20.667.591.262	-
- Dự án nhà máy điện Nhơn Trạch 2	11.414.042.758	-	-	-
- Dự án Nhà máy điện Formosa Hà Tĩnh	7.021.893.368	-	1.587.735.618	-
- Dự án nhiệt điện Thái Bình 2	-	-	7.085.595.424	-
- Các dự án khác	5.307.747.684	-	11.994.260.220	-
	23.859.848.731	-	20.753.323.954	-

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá									
Số dư đầu năm	1.334.200.000	42.905.309.474	18.312.916.364	23.509.114.150					86.061.539.988
- Mua trong năm	-	2.330.600.000	3.529.535.411	299.903.766					6.160.039.177
- Thanh lý, nhượng bán	-	(849.666.879)	-	(876.817.053)					(1.726.483.932)
Số dư cuối năm	1.334.200.000	44.386.242.595	21.842.451.775	22.932.200.863					90.495.095.233
Giá trị hao mòn lũy kế									
Số dư đầu năm	1.299.319.881	33.756.052.567	16.931.094.847	22.508.221.232					74.494.688.527
- Khấu hao trong năm	34.880.119	1.798.190.985	1.856.028.875	755.588.217					4.444.688.196
- Thanh lý, nhượng bán	-	(849.666.879)	-	(876.817.053)					(1.726.483.932)
Số dư cuối năm	1.334.200.000	34.704.576.673	18.787.123.722	22.386.992.396					77.212.892.791
Giá trị còn lại									
Tại ngày đầu năm	34.880.119	9.149.256.907	1.381.821.517	1.000.892.918					11.566.851.461
Tại ngày cuối năm	-	9.681.665.922	3.055.328.053	545.208.467					13.282.202.442

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 61.721.112.661 VND.

9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính có nguyên giá và hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2023 là 2.288.155.290 VND, khấu hao trong năm là 0 VND. Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.288.155.290 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	21.983.871	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	42.129.247	-
	64.113.118	-
b) Dài hạn		
Chi phí thuê văn phòng dài hạn (*)	21.608.309.349	22.236.153.693
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.567.268.748	793.425.728
	23.175.578.097	23.029.579.421

(*) Khoản tiền thuê văn phòng theo hợp đồng thuê dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Việt Nguyên, Công ty thuê toàn bộ tầng 7 thuộc Tòa nhà HH3 Sông Đà trong thời gian 49 năm kể từ ngày 21/06/2010, tổng số tiền trả một lần là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí hàng năm tương ứng với thời gian thuê.

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
- General Electric Global Parts and Products GMBH	-	-	173.331.020.846	173.331.020.846
- Công ty TNHH GE Power Việt Nam	-	-	7.779.779.455	7.779.779.455
- Công ty cổ phần Liberico	5.451.145.810	5.451.145.810	-	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Nhân lực XL	5.479.726.919	5.479.726.919	-	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật & Thương mại Tâm Thành Phát	3.726.456.975	3.726.456.975	-	-
- Công ty TNHH Megarig Industries	2.991.295.911	2.991.295.911	-	-
- Phải trả nhà cung cấp khác	10.745.756.365	10.745.756.365	11.297.453.971	11.297.453.971
	28.394.381.980	28.394.381.980	192.408.254.272	192.408.254.272

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	801.683.657	3.582.087.944	4.132.587.318	251.184.283
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	13.626.350	13.626.350	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.728.035.126	6.200.256.283	5.913.788.575	3.014.502.834
Thuế Thu nhập cá nhân	480.280.326	2.274.963.774	2.434.946.466	320.297.634
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
	4.009.999.109	12.075.934.351	12.499.948.709	3.585.984.751

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí tham quan học hỏi	675.694.445	-
- Chi phí hội nghị tổng kết công tác	278.000.000	-
- Chi phí quản lý nhãn hiệu tập đoàn	238.900.000	221.000.000
- Chi phí đào tạo tay nghề và sáng kiến cải tiến kỹ thuật	949.077.559	926.887.500
- Chi phí đồng phục	1.871.415.000	1.054.800.000
- Chi phí phải trả khác	395.445.289	1.025.018.312
	4.408.532.293	3.227.705.812

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	294.315.000	3.816.922.960
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	294.315.000	294.315.000
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	-	1.773.436.718
Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật (PVPTSC)	-	1.749.171.242
<i>Bên khác</i>	897.883.584	1.818.614.076
Sumec Complete Equipment & Engineering Co.,Ltd	897.883.584	897.883.584
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	-	920.730.492
	1.192.198.584	5.635.537.036

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	415.302.980	276.285.453
- Bảo hiểm xã hội	226.498.710	327.088.487
- Bảo hiểm y tế	93.459.292	113.799.991
- Bảo hiểm thất nghiệp	82.697.893	9.539.975
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50.250.000	50.250.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.022.546.057	882.718.286
- Các khoản chi phí tại các chi nhánh chưa thanh toán	3.738.991.467	10.537.457.519
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.426.089.379	1.478.730.573
	7.055.835.778	13.675.870.284

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND		VND	VND	
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000		20.686.994.576	16.900.497.390	187.587.491.966	
Lãi trong năm trước	-		-	18.469.897.356	18.469.897.356	
Phân phối lợi nhuận	-		-	(16.757.589.012)	(16.757.589.012)	
Số dư cuối năm trước	150.000.000.000		20.686.994.576	18.612.805.734	189.299.800.310	
Số dư đầu năm nay	150.000.000.000		20.686.994.576	18.612.805.734	189.299.800.310	
Lãi trong năm nay	-		-	17.690.519.694	17.690.519.694	
Phân phối lợi nhuận	-		-	(18.543.979.472)	(18.543.979.472)	
Số dư cuối năm nay	150.000.000.000		20.686.994.576	17.759.345.956	188.446.340.532	

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 86/NQ/ĐHĐCĐ-DVKT ngày 20/04/2023 Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	Số tiền
	VND
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.693.979.472
Chi trả cổ tức (bằng 9,9% vốn điều lệ)	14.850.000.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		Tỷ lệ (%)	Đầu năm		Tỷ lệ (%)
	VND	VND		VND	VND	
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	76.500.000.000		51,00	76.500.000.000	51,00	
YTL Power Service Sdn. Bhd.	27.000.000.000		18,00	27.000.000.000	18,00	
America LLC	10.522.000.000		7,01	9.004.000.000	6,00	
Các cổ đông khác	35.978.000.000		23,99	37.496.000.000	25,00	
	150.000.000.000		100,00	150.000.000.000	100,00	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	<u>150.000.000.000</u>	<u>150.000.000.000</u>
- Vốn góp cuối năm	<u>150.000.000.000</u>	<u>150.000.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	882.718.286	735.222.516
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	14.850.000.000	13.500.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	14.850.000.000	13.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(14.710.172.229)	(13.352.504.230)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	<u>(14.710.172.229)</u>	<u>(13.352.504.230)</u>
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>1.022.546.057</u>	<u>882.718.286</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	20.686.994.576	20.686.994.576
	<u>20.686.994.576</u>	<u>20.686.994.576</u>

17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động dài hạn với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vintech để thuê 160 m² tầng 7 Tòa nhà HH3 sông Đà trong thời gian 03 năm kể từ ngày 10/11/2022 với giá thuê được quy định trong hợp đồng ký kết với đối tác.

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Việt Nguyên để thuê toàn bộ tầng 7, Tòa nhà HH3 sông Đà trong thời gian 49 năm kể từ ngày 21/06/2010, tổng số tiền trả một lần là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí hàng năm tương ứng với thời gian thuê.

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	01/01/2023
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1,49	1,49
- Đồng Euro (EUR)	208,06	960,76

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	303.639.860.524	259.665.241.559
	303.639.860.524	259.665.241.559
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29)</i>	236.480.241.358	215.841.590.723

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	240.016.200.699	203.687.953.208
	240.016.200.699	203.687.953.208
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29)</i>	1.335.800.031	1.275.033.945

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	6.187.714.916	5.078.259.706
Cổ tức, lợi nhuận được chia	403.200.000	403.200.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.070.490	27.554.735
	6.595.985.406	5.509.014.441

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	7.845.994
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	21.665.145	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	48.059.508	147.926.248
	69.724.653	155.772.242

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.964.416.175	1.751.701.446
Chi phí nhân công	25.869.800.238	25.103.585.777
Chi phí khấu hao tài sản cố định	552.137.770	795.532.065
Thuế, phí, lệ phí	164.233.971	156.968.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.194.506.672	8.292.178.764
Chi phí khác bằng tiền	5.414.808.093	3.860.404.410
	44.159.902.919	39.960.371.128

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

23 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	2.004.545	1.025.977.704
Tiền phạt thu được	262.616.337	18.898.336
Truy thu lương chi vượt năm 2021 Người đại diện	-	802.856.500
Thu nhập khác	31.232.368	328.032.144
	295.853.250	2.175.764.684

24 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tiền phạt hợp đồng (*)	2.393.992.896	10.455.300
Tiền phạt chậm nộp thuế, BHXH	800.702	266.948.673
Chi phí khác	301.334	28.683.253
	2.395.094.932	306.087.226
Trong đó: Chi phí khác mua từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29)	2.387.632.896	-

(*) Chi phí thực tế thực hiện khắc phục sự cố quạt gió cấp 1 PAF B tổ máy 2 NMNĐ Vũng Áng 1 số tiền 2.387.632.896 VND mà Công ty phải bồi thường Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh theo quy định tại hợp đồng đã ký.

25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.890.775.977	23.239.836.880
Các khoản điều chỉnh tăng	7.491.715.437	594.415.926
- Chi phí không hợp lệ	7.239.715.437	374.415.926
- Thủ lao HĐQT, BKS không trực tiếp tham gia điều hành hoạt động SXKD	252.000.000	220.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(443.444.934)	(1.335.895.404)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(403.200.000)	(403.200.000)
- Điều chỉnh giảm chi phí trích trước	(40.244.934)	(633.861.916)
- Thu nhập chịu thuế theo quyết toán năm trước	-	(298.833.488)
Thu nhập chịu thuế TNDN	30.939.046.480	22.498.357.402
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	12.446.987	270.268.044
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	6.200.256.283	4.769.939.524
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	2.728.035.126	2.189.250.583
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(5.913.788.575)	(4.231.154.981)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	3.014.502.834	2.728.035.126

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	17.690.519.694	18.469.897.356
Các khoản điều chỉnh:	(3.538.103.939)	(3.693.979.472)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế (*)</i>	(3.538.103.939)	(3.693.979.472)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	14.152.415.755	14.775.917.884
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	943	985

(*) Công ty tạm tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 bằng 20% lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt ngày 20/04/2023.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.595.880.556	12.631.869.489
Chi phí nhân công	147.936.293.539	150.508.697.931
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.444.688.196	5.847.245.378
Chi phí dịch vụ mua ngoài	108.710.648.115	54.119.328.507
Chi phí khác bằng tiền	10.564.685.760	30.666.964.664
	287.252.196.166	253.774.105.969

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	Công ty mẹ
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật (PVPTSC) (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	Cùng Công ty mẹ
BQLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
BQLDA Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAI)	Ông Phan Xuân Thắng - Phó Giám đốc là Thành viên HĐQT, người đại diện vốn của PPS tại PAI)

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	236.480.241.358	215.841.590.723
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	14.319.159.136	32.538.237.069
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	76.085.575.738	68.765.399.220
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	75.260.067.162	51.167.137.098
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật (PVPTSC)	22.595.354.237	14.384.434.726
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	45.019.626.201	45.202.423.536
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	2.119.207.794	907.185.369
BQLDA Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	434.714.727	1.750.623.704
BQLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	646.536.363	1.126.150.001
Tiền phạt hợp đồng	2.387.632.896	-
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	2.387.632.896	-
Mua hàng hóa dịch vụ	1.335.800.031	1.275.033.945
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	1.195.538.421	1.146.413.545
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	140.261.610	128.620.400
Cổ tức lợi nhuận được chia	403.200.000	403.200.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAI)	403.200.000	403.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

		Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Ông Bùi Duy Nhị	Chủ tịch	932.387.615	955.413.476
Ông Vũ Anh Tuấn	Ủy viên kiêm Giám đốc	932.040.028	955.413.476
Ông Phan Ngọc Anh ⁽¹⁾	Ủy viên	15.000.000	40.000.000
Ông Hồ Nguyễn Hoàng ⁽²⁾	Ủy viên	440.078.599	-
Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao ⁽⁴⁾	Ủy viên	60.000.000	40.000.000
Ông Vũ Huy An ⁽⁴⁾	Ủy viên	60.000.000	40.000.000
Ông Vũ Huy Quang ⁽³⁾	Ủy viên	-	12.000.000
Ông Phạm Đức Nghĩa ⁽³⁾	Ủy viên	-	12.000.000
Ông Mã Ngọc Kỳ ⁽³⁾	Ủy viên	-	12.000.000
Ông Phùng Văn Đức	Phó Giám đốc	758.748.715	733.487.347
Ông Phan Xuân Thắng	Phó Giám đốc	787.884.615	699.077.855
Ông Lê Văn Tu ⁽⁴⁾	Phó Giám đốc	785.322.170	328.225.498
Ông Bùi Văn Chính ⁽²⁾	Phó Giám đốc	709.284.188	
Ông Vũ Quang Dũng ⁽³⁾	Phó Giám đốc	-	111.735.636
Ông Phạm Hùng Anh ⁽¹⁾	Trưởng BKS	269.083.839	642.809.642
Ông Nguyễn Quang Đông ⁽²⁾	Trưởng BKS	54.000.000	32.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai Hoa ⁽²⁾	Thành viên BKS	27.000.000	
Bà Nghiêm Thị Phụng	Thành viên BKS	36.000.000	24.000.000
Ông Lữ Văn Thụ ⁽³⁾	Thành viên BKS	-	8.000.000

Chú thích:

- (1) Miễn nhiệm trong năm nay
- (2) Bổ nhiệm trong năm nay
- (3) Miễn nhiệm trong năm trước
- (4) Bổ nhiệm trong năm trước

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Hoàng Thị Hồng Trang
Người lập



Lê Đình Thái
Kế toán trưởng



Vũ Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2024

Số: ~~72~~ /NQ/DVKT-HĐQT

Hà Nội, ngày ~~12~~ tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Tại cuộc họp định kỳ quý I/2023 của Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam
(Phiên họp ngày 10/4/2023)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Quý I năm 2023 của Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam ngày 10/4/2023,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam thống nhất nội dung sau:

Thông qua kết quả ước thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh Quý I năm 2023 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu chính	Ước thực hiện Quý I năm 2023	Tỷ lệ thực hiện/ kế hoạch
Doanh thu ước thực hiện	46,63	86,4 %
Tổng chi phí	39,82	84,6 %
Lợi nhuận trước thuế	4,81	104,9 %

Giao Giám đốc Công ty chỉ đạo triển khai thực hiện các công việc phục vụ sản xuất kinh doanh Quý II năm 2023 theo kế hoạch.

Điều 2. Sau khi xem xét các báo cáo, Hội đồng Quản trị biểu dương nỗ lực của Tập thể lãnh đạo và Người lao động với các kết quả đã đạt được Quý I/2023. HĐQT yêu cầu Giám đốc Công ty thực hiện một số nội dung sau:

1. Các công việc cần triển khai phục vụ hoạt động SXKD:

- 1.1. Tiếp tục rà soát, sửa đổi các Quy chế, Quy định nội bộ của Công ty đảm bảo tuân thủ pháp luật và phù hợp với yêu cầu của sản xuất kinh doanh. Trong Quý II/2023 hoàn thành đề xuất sửa đổi và trình HĐQT:
(i) Quy chế quản lý tài chính; (ii) Quy chế trả lương chuyên gia của Công ty.
- 1.2. Tập trung tìm kiếm cơ hội đầu tư dù có nhiều khó khăn; Mở rộng liên danh, liên kết với các bạn hàng, đối tác trong và ngoài nước; Rà soát hành lang cơ chế chính sách để tăng cường thu hút nhân lực kỹ thuật cao cả trong và ngoài Công ty.
- 1.3. Lập phương án về quản trị doanh thu, giải pháp SXKD để ứng phó với tình hình sụt giảm doanh thu trong thời gian tới, báo cáo HĐQT trước 20/5/2023.
- 1.4. Tập trung chỉ đạo Phòng Kinh doanh và các Chi nhánh tăng cường phát triển dịch vụ cho khách hàng ngoài các Hợp đồng BDSC dài hạn đang có.
- 1.5. Triển khai đào tạo tiếng Anh, đào tạo chuyên môn chuyên sâu cho CBCNV Công ty.
- 1.6. Tập trung tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2023.
- 1.7. Trong Quý 2/2023 thực hiện rà soát, kiện toàn bộ máy tổ chức của Công ty.
- 1.8. Đề nghị Ban điều hành tiếp tục rà soát các công việc theo chủ trương, Nghị quyết HĐQT đã ban hành để tăng cường quản trị hiệu quả SXKD đặc biệt là quản trị biến động và rủi ro do các yếu tố bên ngoài tác động.

2. Về phương hướng phát triển của Chi nhánh Đà Nẵng:

- Đề nghị Giám đốc trình HĐQT phương án tái cấu trúc mọi mặt của Chi nhánh Đà Nẵng trong Quý II/2023; Sát sao đôn đốc thu hồi công

02560
CÔNG T
CỔ PHẦN
VỤ KÝ T
LỰC ĐÀ
/VIỆT NA
Ư LIÊM

nợ tại Chi nhánh; Có thể xem xét sắp xếp để Chi nhánh Đà Nẵng thực hiện một phần phạm vi công việc trong các hợp đồng hiện có của Công ty (nếu khả thi).

Điều 3. Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng/Ban chức năng, Trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty căn cứ Nghị quyết thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT (e-copy);
- Ban Kiểm soát (e-copy);
- Như điều 3;
- Người công bố thông tin;
- Lưu: VT, HĐQT.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Bùi Duy Nhị



Số: *119* /NQ/DVKT-HĐQT

Hà Nội, ngày *07* tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Tại cuộc họp định kỳ quý II/2023 của Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam
(Phiên họp ngày 05/7/2023)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Quý II năm 2023 của Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam ngày 05/7/2023,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam thống nhất nội dung sau:

Thông qua kết quả ước thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu chính	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	Tỷ lệ thực hiện/ kế hoạch
Doanh thu ước thực hiện	108,6	99,14 %
Tổng chi phí	99,18	98,86 %
Ước lợi nhuận trước thuế	9,42	102,35 %

Giao Giám đốc Công ty chỉ đạo triển khai thực hiện các công việc phục vụ sản xuất kinh doanh Quý III năm 2023 theo kế hoạch.

Điều 2. Sau khi xem xét các báo cáo, Hội đồng Quản trị đề nghị Giám đốc Công ty thực hiện một số nội dung sau:

1. Các công việc cần triển khai phục vụ hoạt động SXKD:

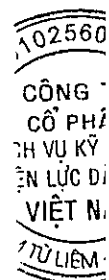
- 1.1. Hoàn thiện định biên Công ty để trình HĐQT xem xét phê duyệt trước ngày 15/7/2023.
- 1.2. Đẩy nhanh công tác tái cấu trúc Chi nhánh Đà Nẵng, phương án kiện toàn nhân sự Phòng Kinh doanh, các phòng chức năng Công ty và trình HĐQT trước 30/7/2023.
- 1.3. Ban điều hành, Giám đốc các Chi nhánh tiếp tục có ý kiến về báo cáo phân tích hiệu quả SXKD năm 2022 của các Chi nhánh trước ngày 20/7/2023.

Giao Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao - Thành viên HĐQT chủ trì giám sát công tác phân tích hiệu quả SXKD năm 2022 của các Chi nhánh, hoàn thành trước ngày 15/8/2023.

- 1.4. Rà soát, tính toán và tối ưu chi phí của công ty để đảm bảo khi chào thầu phù hợp với giá cả thị trường; Tiếp tục tăng cường phát triển dịch vụ cho khách hàng ngoài ngành, lưu ý với thị trường điện áp mái.
- 1.5. Tập trung tăng cường bám sát làm việc với các BQLDA Điện Sông Hậu, Thái Bình 2.
- 1.6. Tiếp tục rà soát, thực hiện các công việc theo chủ trương, Nghị quyết, văn bản chỉ đạo HĐQT đã ban hành.
- 1.7. Tập trung tìm kiếm cơ hội đầu tư cho Công ty dù có nhiều khó khăn.

2. Về phương án đối với Chi nhánh Đà Nẵng:

- Đề nghị Giám đốc Công ty chỉ đạo Chi nhánh Đà Nẵng tập trung hoàn thành thu hồi công nợ còn tồn tại và báo cáo bổ sung về Công ty phương án với Chi nhánh Đà Nẵng trước ngày 15/7/2023 (nếu có). Đồng thời Công ty cần hỗ trợ tối đa nguồn công việc cho Chi nhánh Đà Nẵng.



Điều 3. Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng/Ban chức năng,
Trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty căn cứ Nghị quyết thực hiện./.

Nơi nhận:

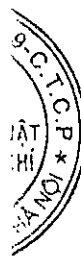
- Thành viên HĐQT (e-copy);
- Ban Kiểm soát (e-copy);
- Như điều 3;
- Người công bố thông tin;
- Lưu: VT, HĐQT.

dlg

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Duy Nhị



Số: 168 /NQ/DVKT-HĐQT

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Tại cuộc họp định kỳ quý III/2023 của Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam
(Phiên họp ngày 11/10/2023)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Quý III năm 2023 của Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam ngày 11/10/2023,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam thống nhất các nội dung sau:

1. Thông qua kết quả ước thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2023 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu chính	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2023	Tỷ lệ thực hiện/ kế hoạch
Doanh thu ước thực hiện	185,54	100,7 %
Tổng chi phí	169,94	100,3 %
Ước lợi nhuận trước thuế	15,6	104,3 %

Giao Giám đốc Công ty chỉ đạo triển khai thực hiện các công việc phục vụ sản xuất kinh doanh trong Quý IV năm 2023 theo kế hoạch để hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2023.



2. Nhất trí kế hoạch kiểm tra trong Quý IV/2023 của Ban Kiểm soát về công tác mua sắm và các hợp đồng của Công ty tại văn phòng Hà Nội.
3. Hội đồng Quản trị có kết hoạch kiểm tra, giám sát tại Văn phòng Hà Nội trong Quý IV/2023.

Điều 2. Sau khi xem xét các báo cáo, Hội đồng Quản trị đề nghị Giám đốc Công ty thực hiện một số nội dung sau:

1. Các công việc cần triển khai phục vụ hoạt động SXKD:

- 1.1. Hoàn thành việc thu hồi công nợ tại Chi nhánh Đà Nẵng.
- 1.2. Liên quan việc tổ chức đối thoại với Người lao động: Thực hiện tuân thủ quy định, nên tổ chức đối thoại Người lao động theo chương trình riêng để đảm bảo thời gian.
- 1.3. Tiếp tục bám sát làm việc với các BQLDA Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1, BQLDA Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 và các Chủ đầu tư khác để tiếp cận nguồn công việc lâu dài và ổn định cho Công ty.
- 1.4. Tiếp tục rà soát, thực hiện các công việc theo chủ trương, Nghị quyết, văn bản chỉ đạo HĐQT đã ban hành.
- 1.5. Tiếp tục tìm kiếm các cơ hội đầu tư cho Công ty.

2. Về kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025, chiến lược đến 2035 của Công ty và Phương án kiện toàn Phòng Kinh doanh:

Đề nghị Giám đốc Công ty chỉ đạo thực hiện theo yêu cầu tại công văn số 167/DVKT-HĐQT ngày 13/10/2023 của Hội đồng Quản trị Công ty.

Điều 3. Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng/Ban chức năng, Trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty căn cứ Nghị quyết thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT (e-copy);
- Ban Kiểm soát (e-copy);
- Như điều 3;
- Người công bố thông tin;
- Lưu: VT, HĐQT.

Đính kèm:

- CV số 167/DVKT-HĐQT ngày 13/10/2023.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Bùi Duy Nhị

Số: 167 /DVKT-HĐQT

Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2023

V/v hoàn thiện kế hoạch SXKD giai đoạn 2021-2025, chiến lược đến 2035 của PV Power Services, và Phương án kiện toàn phòng Kinh doanh

Kính gửi: Giám đốc Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 82/NQ/ĐHĐCĐ-DVKT ngày 28/4/2022;

Căn cứ Tờ trình số 620/TTr-DVKT ngày 06/10/2023 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt kiện toàn phương án phòng Kinh doanh;

Căn cứ Tờ trình số 615/TTr-DVKT ngày 04/10/2023 của Giám đốc Công ty về việc cập nhật Kế hoạch SXKD giai đoạn 2021-2025, định hướng chiến lược đến 2035 của PVPS;

Căn cứ công văn số 1841/ĐLĐK-KTKH ngày 11/10/2023 của PV Power về việc cung cấp thông tin xây dựng chiến lược phát triển đến năm 2025, định hướng đến 2035 của PV Power.

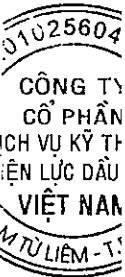
Căn cứ Biên bản họp HĐQT định kỳ quý 3 phiên họp ngày 11/10/2023;

Căn cứ tổng hợp ý kiến của Hội đồng Quản trị về nội dung hoàn thiện kế hoạch SXKD giai đoạn 2021- 2025, chiến lược đến 2035 của PV Power Services và Phương án kiện toàn phòng Kinh doanh,

Hội đồng Quản trị đề nghị Giám đốc Công ty chỉ đạo thực hiện và hoàn thiện các nội dung sau:

1. Đối với Kế hoạch SXKD giai đoạn 2021-2025, định hướng chiến lược đến 2035 của PVPS: làm rõ/hoàn thiện các nội dung chi tiết như sau:
 - Tại giải pháp về đào tạo phát triển nguồn nhân lực trang 49/55 đang đề xuất “Xây dựng chiến lược gia công, chế tạo, phục hồi các chi tiết/phụ kiện vật tư thiết bị để giảm chi phí mua vật tư thay thế, tăng tính chủ động trong công việc BDSC, tăng hiệu quả kinh tế cho khách hàng (chế tạo con lăn, bàn nghiền, hệ thống truyền động của băng tải, đánh phá đồng, các loại trục, trục vòng đệm, chèn, ống lót v.v...)” trong khi hiện tại đề xuất không thực hiện đầu tư xưởng sửa chữa, cần làm rõ nội dung này.
 - Hiện chưa có nội dung liên quan đến công việc của Chi nhánh Đà Nẵng trong thời gian tới (thí nghiệm hiệu chỉnh, lắp đặt thiết bị).

- PVPS là Công ty dịch vụ, vì vậy mục tiêu đầu tiên và lớn nhất phải là duy trì và phát triển đội ngũ công nhân kỹ thuật có tay nghề ổn định để đáp ứng các yêu cầu về SCTX cho các NMD mà hiện nay PVPS đang cung cấp dịch vụ SCTX dài hạn, khẳng định vị thế của PVPS.
 - Hiện nay Tổng Công ty cũng đang có chủ trương nâng cao năng lực cốt lõi của TSC để giải quyết các công việc mà Tổng Công ty đánh giá là PVPS chưa thực hiện tốt như xây dựng đội ngũ chuyên gia thay thế chuyên gia nước ngoài. Việc phát triển đội ngũ chuyên gia của PVPS tới nay đã được thực hiện khá tốt nhưng chưa được công nhận. Hiện Tổng Công ty cũng đã ban hành tiêu chí đánh giá chuyên gia, vì vậy đề nghị Ban điều hành rà soát báo cáo Tổng Công ty về cách thức, tiêu chí đánh giá và công nhận chuyên gia của PVPS.
 - Hợp đồng 0811 với Cà Mau và Hợp đồng 68 với Nhơn Trạch 2 năm nay đều đã hết hiệu lực. PVPS cần có định hướng để giữ được vị trí là nhà cung cấp nhân công phục vụ SCDK cho các NMD này (thông qua đấu thầu...)
 - Rà soát cập nhật, lựa chọn chuyên môn đào tạo, thời gian, địa điểm, thứ tự ưu tiên thực hiện cần đào tạo.
 - Chưa nhất trí giải pháp về quản trị doanh nghiệp chuyển đổi mô hình các chi nhánh sang các phân xưởng. Đề tập trung quản lý và giám bộ máy gián tiếp tại các chi nhánh, nhằm tối giản chi phí cho Công ty là cần thiết nhưng không phải là phải chuyển đổi mô hình.
 - Bổ sung nội dung: Tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư cho Công ty.
2. Đối với nội dung Kiện toàn phòng Kinh doanh: làm rõ/hoàn thiện các nội dung sau:
- Đối với các nhân sự bị đánh giá không phù hợp: Xem xét điều chỉnh chức danh/mức lương phù hợp hoặc chấm dứt Hợp đồng, tránh việc điều chuyển nhân sự chưa đáp ứng chất lượng sang phòng khác khi phòng đó không có nhu cầu hoặc vượt định biên.
 - Không áp dụng mức lương ngạch bậc của nhân viên Phòng Kinh doanh như các phòng chuyên môn khác mà chỉ trả lương theo hiệu suất công việc và kết quả kinh doanh thực tế. Chủ động đề xuất điều chỉnh lương cho bộ phận kinh doanh nếu thấy không phù hợp.
 - Phòng kinh doanh là đơn vị tìm kiếm công việc mới cho công ty, vì vậy thống nhất với đề xuất có chi phí hỗ trợ tìm kiếm công việc theo % doanh thu thực tế khai thác về (cần có phương án tính toán), tuy nhiên chỉ áp dụng hỗ trợ với các trường hợp ký Hợp đồng trực tiếp không thông qua đấu thầu và đảm bảo lợi nhuận;



- Xây dựng phương án khoán tiền lương gắn với hiệu quả hoạt động của từng đơn vị (Chi nhánh/Phòng chức năng Công ty) nhằm khuyến khích và tạo động lực phấn đấu, tối đa hóa nguồn lực và tránh tình trạng bình quân.

Đề nghị Ban Giám đốc hoàn thiện và báo cáo Hội đồng Quản trị các nội dung trên trước ngày 31/10/2023./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Ban Giám đốc (để t/h);
- Lưu: VT, HĐQT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Duy Nhị



Số: 03 /NQ/DVKT-HĐQT

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Tại cuộc họp định kỳ quý IV/2023 của Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam
(Phiên họp ngày 10/01/2024)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 82/NQ/ĐHĐCĐ-DVKT ngày 28/4/2022;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Quý IV năm 2023 của Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam, phiên họp ngày 10/01/2024,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam thống nhất các nội dung sau:

1. Thông qua kết quả ước thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2023 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu chính	Ước thực hiện năm 2023	Tỷ lệ thực hiện/ kế hoạch
Doanh thu ước thực hiện	310,51	114,62 %
Tổng chi phí	286,67	114,6 %
Ước lợi nhuận trước thuế	23,85	114,8 %



2. Giao Giám đốc Công ty chỉ đạo triển khai thực hiện các công việc phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2024 theo kế hoạch.

Điều 2. Sau khi xem xét các báo cáo, Hội đồng Quản trị đề nghị Giám đốc Công ty thực hiện một số nội dung sau:

1. Về Chi nhánh Đà Nẵng: Giám đốc Công ty báo cáo cụ thể về phương án xử lý các công nợ còn lại. Báo cáo trong tháng 01/2024.
2. Hoàn thành xây dựng định biên lao động toàn công ty năm 2024 trong tháng 01/2024.
3. Tiếp tục rà soát, thực hiện các công việc theo chủ trương, Nghị quyết, văn bản chỉ đạo HĐQT đã ban hành.
4. Rà soát, đề xuất sửa đổi Quy chế, quy định của Công ty.

Điều 3. Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng/Ban chức năng, Trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty căn cứ Nghị quyết thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT (e-copy);
- Ban Kiểm soát (e-copy);
- Như điều 3;
- Người công bố thông tin;
- Lưu: VT, HĐQT.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Bùi Duy Nhị

